

— Mỗi người chỉ được hưởng trợ cấp thù lao theo một chức vụ. Trường hợp giữ nhiều chức vụ, thì được chọn hưởng mức trợ cấp thù lao nào cao nhất cấp cho các chức vụ ấy.

— Ủy ban Hành chính xã cần đảm bảo cấp cả định suất hay nửa định suất cho cán bộ được trợ cấp thù lao.

— Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận sẽ căn cứ vào các chức vụ do xã đề nghị và đã được chuẩn y mà cấp tiền cho xã vào cuối tháng để trợ cấp cho cán bộ xã.

— Ủy ban Hành chính các khu tự trị, thành phố, tỉnh cần hướng dẫn cho các huyện, châu, quận phân loại các xã miền đồng bằng và trung du, miền núi rẻo thấp, miền núi rẻo cao, đồng thời quy định số người được trợ cấp thù lao và số tiền thù lao ở mỗi loại xã. Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận căn cứ vào những quy định của Ủy ban Hành chính Khu tự trị, thành phố, tỉnh, sẽ chỉ đạo các Ủy ban Hành chính và Hội đồng nhân dân xã thảo luận cụ thể vấn đề này để đề nghị xét duyệt các chức vụ được hưởng trợ cấp thù lao ở xã. Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận sẽ xét duyệt các đề nghị cụ thể của xã.

#### 4. Thời gian thi hành:

Việc trợ cấp thù lao này cho cán bộ xã bắt đầu được thi hành kể từ ngày 1-1-1960. Những điều quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Việc trợ cấp thù lao cho cán bộ xã không phải là việc trả lương cho cán bộ xã. Nó nhằm giúp đỡ một số cán bộ xã vì bận công tác mất nhiều thời giờ sản xuất, giải quyết một phần khó khăn trong sinh hoạt. Bản thân cán bộ xã phải cố gắng sắp xếp thời giờ tham gia sản xuất, tự giải quyết đời sống cho bản thân và gia đình mình. Các cấp cần phổ biến kỹ cho cán bộ xã hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc trợ cấp thù lao để cán bộ xã thấy rõ sự quan tâm của Đảng, Chính phủ đối với anh chị em, đề động viên và đề cao tinh thần phục vụ của anh chị em. Mặt khác, cũng cần giáo dục cho nhân dân thấy rõ trách nhiệm của mình hơn nữa đối với việc chăm sóc, giúp đỡ cán bộ xã trong công tác và sinh hoạt.

Nhận được thông tư này, các Ủy ban Hành chính Khu tự trị, thành phố, tỉnh cần có kế hoạch hướng dẫn cụ thể cho địa phương mình thi hành; nếu gặp khó khăn, trở ngại gì thì xin báo cáo về Thủ tướng phủ và Bộ Nội vụ để giải quyết.

Hà nội, ngày 11 tháng 11 năm 1959

T. L. Thủ tướng Chính phủ  
Bộ trưởng Thủ tướng phủ  
NGUYỄN KHANG

## NGHỊ ĐỊNH số 407-TTg ngày 13-11-1959 sửa đổi nghị định số 145-TTg ngày 15-3-1958 quy định tạm thời thuế lệ thu phí tổn sửa đường.

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 145-TTg ngày 15 tháng 3 năm 1958 về việc thu phí tổn sửa đường;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện và Bộ Tài chính;

#### NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay sửa đổi điều 4 và 5 nghị định số 145-TTg ngày 15-3-1958 như sau:

« Điều 4 mới. — Mức phí tổn sửa đường đối với mỗi loại xe như sau:

1. Xe ô-tô vận tải hàng hóa và chở hành khách trọng tải:

— Từ 1 tấn 5 trở xuống:	15đ một tháng.
— Từ 1 tấn 6 đến 2 tấn 5:	30đ —
— Từ 2 tấn 6 đến 5 tấn:	60đ —
— Trên 5 tấn:	90đ —

2. Xe ô-tô du lịch, kể cả com-măng-ca và dip: 7đ50 —

3. Xe mô-tô các loại, kể cả vét-spa: 2đ00 —

4. Xe thô sơ do súc vật kéo: 2đ00 một tháng»

« Điều 5 mới. — Đối với tất cả các loại xe, phí tổn sửa đường nộp tháng một, vào 5 ngày đầu tháng.»

Điều 2. — Các điều khoản trong nghị định này bắt đầu thi hành từ 1 tháng 1 năm 1960.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 13 tháng 11 năm 1959

K. T. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng  
PHẠM HÙNG

### LIÊN BỘ

GIAO THÔNG và BƯU ĐIỆN — CÔNG AN

NGHỊ ĐỊNH số 102-NĐ ngày 6-11-1959  
ban hành điều lệ quản lý máy thu, phát, phụ tùng máy phát vô tuyến điện, đèn công suất và các cơ sở sản xuất, sửa chữa, mua bán máy thu, phát và phụ tùng máy thu, phát vô tuyến điện.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN  
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ nghị định số 344-TTg ngày 25-9-1959 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý máy thu, phát, phụ tùng